

だい
第

3

か
課

ふゆ

さむ

冬はとても寒くなります



あなたの国にはどんな季節がありますか？

Ở đất nước bạn có những mùa nào?



1. 春は桜の花が咲きます

Cando
08日本の四季についての短い動画を見て、季節の特徴を理解することができる。
Có thể xem một đoạn video ngắn về bốn mùa của Nhật Bản, và hiểu được những đặc trưng của các mùa.

1 ことばの準備

Chuẩn bị từ vựng

【季節のことば】

a. 暑い



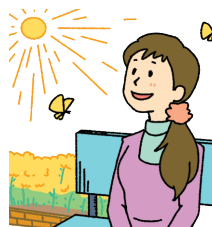
b. すずしい



c. 寒い



d. 暖かい

e. じめじめする／
蒸し暑い

f. 雨が降る



g. 雪が降る



h. 桜の花が咲く



i. もみじがきれい(な)



j. セミが鳴く



(1) 絵を見ながら聞きましょう。🔊 03-01

Hãy vừa nghe vừa nhìn tranh.

(2) 聞いて言いましょう。🔊 03-01

Hãy nghe và nhắc lại.

(3) 聞いて、a-j から選びましょう。🔊 03-02

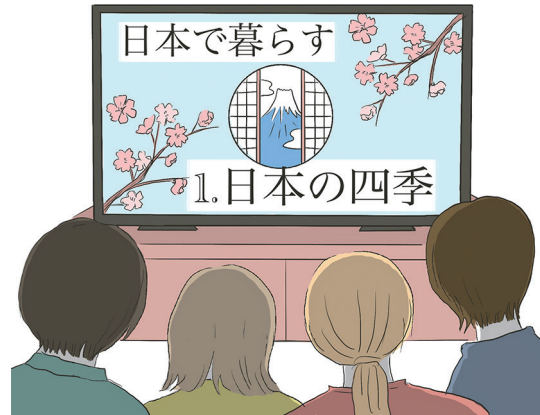
Hãy nghe và chọn từ a-j.

2 おんせい き 音声を聞きましょう。

Hãy nghe đoạn ghi âm.

▶ にほん しょうかい えいどう み 日本を紹介する映像を見ている。

Bạn đang xem video giới thiệu về Nhật Bản.



(1) にほん きせつ とくちょう えら 日本の季節の特徴を、1 の a-j から選びましょう。

03-03

Hãy chọn đặc trưng về từng mùa của Nhật Bản từ a-j trong phần 1.



はる (,)



つゆ 梅雨 (,)



なつ (,)



ふゆ 冬 (,)



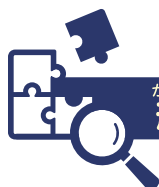
あき 秋 (,)

(2) ことばを確認して、もういちど聞きましょう。

03-03

Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

たくさん nhiều | 学校 学校 trường học


 かたち ちゅうもく
形に注目

(1) ^{おんせい き}音声を聞いて、^か______にことばを書きましょう。🔊 03-04
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

^{はる さくら はな さ}春は桜の花が咲きます。^{あたた}暖かく_____。

^{なつ あつ}夏は暑いです。^{がっこう やす}学校が休みに_____。

^{あき}秋はすずしく_____。

! ^{へんか い}変化について言うとき、どんな形を使っていましたか。➡ ^{ぶんぽう}文法ノート ①
 Cấu trúc nào đã được sử dụng khi nói về sự thay đổi?

(2) ^{かたち ちゅうもく}形に注目して、^{おんせい}音声をもういちど聞きましょう。🔊 03-03
 Hãy chú ý đến các cấu trúc ngữ pháp và nghe lại một lần nữa.



2. どんな季節がありますか？

Can-do 09

自分の国の季節の特徴について、簡単に話すことができる。
Có thể nói một cách đơn giản về đặc trưng các mùa của đất nước mình.

1 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại.

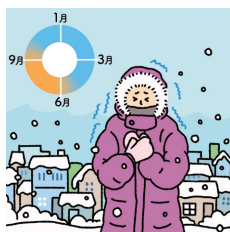
自分の国の季節や気候について、4 人の人が話しています。

4 người đang nói chuyện về mùa và khí hậu của đất nước mình.

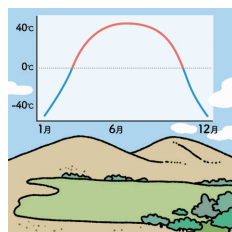
(1) それぞれの国の季節は、a-d のどれですか。

Đâu là mùa của từng đất nước? Hãy chọn từ a-d.

a.



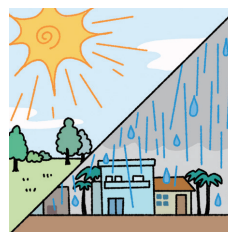
b.



c.



d.



① 03-05

② 03-06

③ 03-07

④ 03-08

(2) もういちど聞きましょう。

4 人の国の季節には、それぞれどんな特徴がありますか。ア - キから選びましょう。

Hãy nghe lại một lần nữa. Đặc trưng mỗi mùa của từng đất nước là gì? Hãy chọn từ A-K.

ア. 夏はとても暑い・冬はとても寒い

イ. 一年中夏

ウ. 冬が長い

エ. ずっと暑い

オ. 雨季と乾季がある

カ. 四季がある

キ. 雪がたくさん降る

① 03-05

② 03-06

③ 03-07

④ 03-08

(3) ことばを確認して、もういちど聞きましょう。

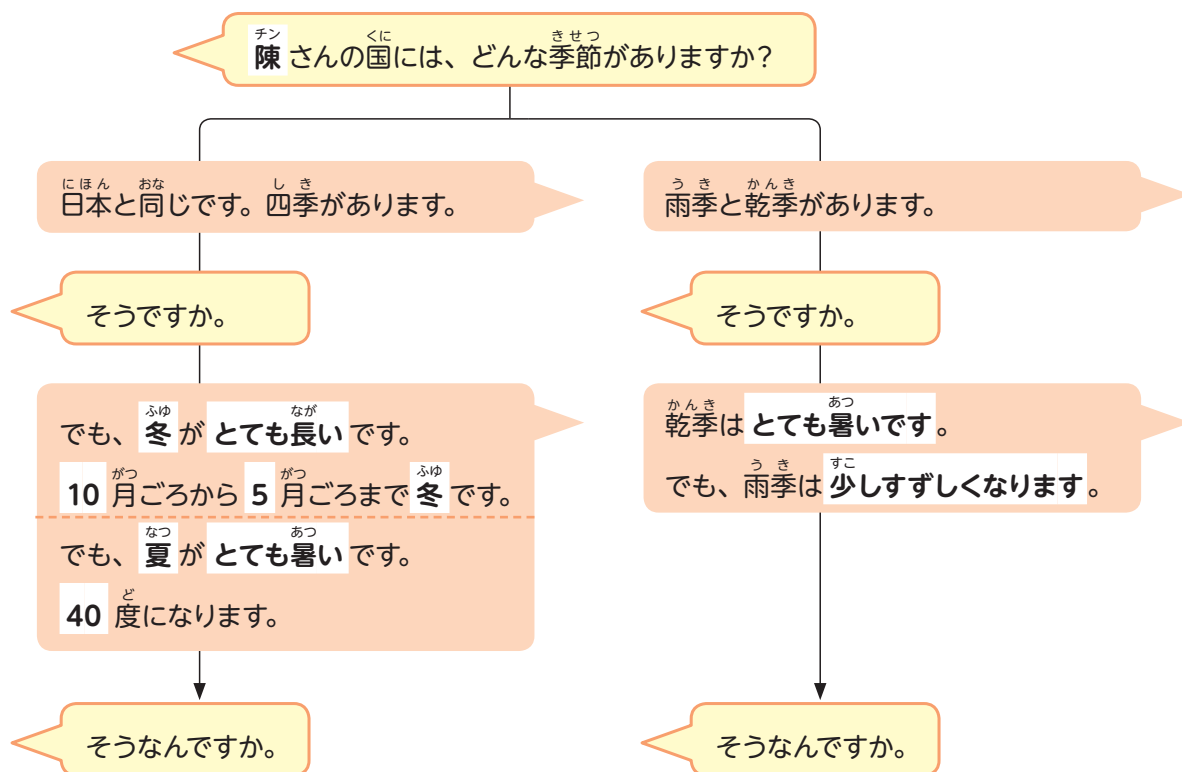
Hãy xác nhận từ vựng và nghe lại một lần nữa.

同じ giống | 40 度 40 độ (～度 ～ độ) | マイナス âm | 短い ngắn

そうなんですか Vâng à.

2 自分の国の季節について話しましょう。

Hãy nói về các mùa tại đất nước mình.



- (1) 会話を聞きましょう。 03-09 03-10 03-11

Hãy nghe hội thoại.

- (2) シャドーイングしましょう。 03-09 03-10 03-11

Hãy luyện nói đuổi.

- (3) 自分の国や住んでいるところの季節について話しましょう。

Hãy nói về các mùa tại đất nước mình hoặc nơi mình đang sống.



3. もみじの景色がきれいですから

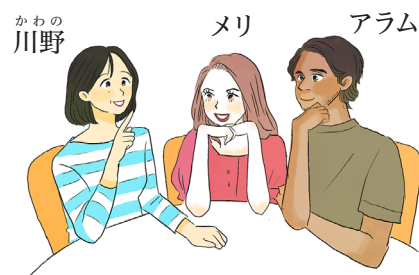
Can-do 10

自分が好きな季節とその理由について、簡単に話すことができる。
Có thể nói một cách đơn giản về mùa mình yêu thích và lý do yêu thích mùa đó.

1 会話を聞きましょう。

Hãy nghe hội thoại..

▶ 川野さんとメリさんとアラムさんが、好きな季節について話しています。
3 bạn Kawano, Meri và Aram đang nói chuyện về mùa mà họ yêu thích.



(1) はじめに、スクリプトを見ないで会話を聞きましょう。🔊 03-12

好きな季節はいつですか。a-d から選びましょう。

Trước tiên, hãy nghe đoạn hội thoại mà không nhìn lời thoại. Đây là mùa yêu thích của họ? Chọn từ a-d.

a. 春

b. 夏

c. 秋

d. 冬

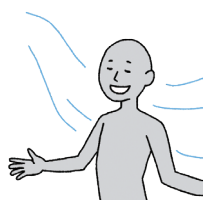
	アラムさん	メリさん	川野さん
好きな季節			

(2) もういちど聞きましょう。🔊 03-12

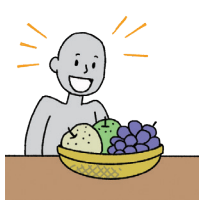
どうしてその季節が好きですか。ア-カから選びましょう。

Hãy nghe lại một lần nữa. Vì sao họ thích mùa đó? Chọn từ A-ka.

ア. すずしい



イ. 果物がおいしい



ウ. もみじの景色がきれい



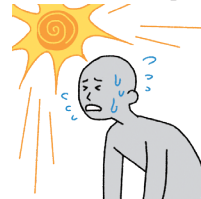
エ. 海や山で遊ぶのが好き



オ. 暑いのが好き



カ. 暑いのが苦手



	アラムさん	メリさん	川野さん
どうして?	,	,	,

(3) スクリプトを見ながら聞きましょう。🔊 03-12

Hãy nhìn lời thoại và nghe lại một lần nữa.

かわの 川野 : アラムさん、^す好きな^{きせつ}季節はいつですか？

アラム : そうですね。^{あき}秋がいちばん^す好きです。

かわの 川野 : どうしてですか？

アラム : 私は^{わたし}暑い^{あつ}のが^{にがて}苦手^{あき}ですから。秋は^すずしい^すですから好きです。

メリさんは？

メリ : 私は^{わたし}暑い^{あつ}のが^{だいす}大好き^{なつ}ですから、夏^すが好きです。

かわの 川野 : ヘー、そうですか。

メリ : ^{うみ}海^{やま}や^{あそ}山^{たの}で遊ぶのも楽しいです。

かわの 川野さんは？ ^{きせつ}どの季節^すが好きですか？

かわの 川野 : 私は^{わたし} ^{あき}秋^すが好きですね。

アラム : どうしてですか？

かわの 川野 : ^{けしき}もみじの景色^すがきれい^すですから。

アラム : そうですね。

かわの 川野 : それに、^{くだもの}果物^すもおいしい^すですよ。

^{なし}ぶどうとか梨^すとか。

～よね

^{あいて}相手^{おも}もそうだと思^{おも}っている
 ことを^{かくにん}確認^いするとき^{かた}の言い方
 Cách nói này được sử dụng khi
 xác nhận xem đối phương có suy
 nghĩ giống mình hay không.

どうして tại sao | ^{ぶどう}ぶどう quả nho | ^{なし}梨 quả lê



かたち ちゅうもく
形に注目

(1) 音声^{おんせい}を聞いて、^き_____にことば^かを書きましょう。🔊 03-13
 Hãy nghe và điền từ vào chỗ trống.

A: 好きな季節^{す きせつ}はいつですか?

B: 秋^{あき}が_____好き^すです。

暑い^{あつ}_____好き^すです。

暑い^{あつ}_____に^にが^がて^て苦手^{くで}です。

(A: 秋^{あき}が好き^すです)

B: どうしてですか?

A: もみじ^{けしき}の景色^{けしき}がきれいです_____。

秋^{あき}ははずしいです_____好き^すです。

暑い^{あつ}のがだい^{だい}す^す好き^すです_____、夏^{なつ}が^す好き^すです。

海^{うみ}_____山^{やま}で遊ぶ^{あそ}のも楽しい^{たの}です。

くだもの^{くだもの}果物^{くだもの}もおいしいですよね。ぶどう^{ぶどう}_____梨^{なし}_____。

❗ 「いちばん」 はどんな意味^{い み}だと思^{おも}いますか。 ➡ 文法ノート ②

Theo bạn, ichi-ban có nghĩa là gì?

❗ 「～が好きです／苦手です」の前^{まえ}は、どんな形^{かたち}を使^{つか}っていましたか。 ➡ 文法ノート ③

Cấu trúc nào được sử dụng trước ~が好きです／苦手です?

❗ 理由^{りゆう}を言^いうとき、どんな形^{かたち}を使^{つか}っていましたか。 ➡ 文法ノート ④ ⑤

Cấu trúc nào được sử dụng khi nói về lý do?

❗ 例^{れい}を挙^あげるとき、どんな形^{かたち}を使^{つか}っていましたか。 ➡ 文法ノート ⑥ ⑦

Cấu trúc nào được sử dụng khi đưa ra ví dụ?

(2) 形^{かたち}に注^{ちゅう}目^{もく}して、会^{かい}話^わをもういちど聞^ききましょう。🔊 03-12

Hãy chú ý đến cấu trúc ngữ pháp và nghe lại đoạn hội thoại một lần nữa.

2 好きな季節について話しましょう。

Hãy nói chuyện về mùa mà bạn thích.

アラムさん、好きな季節はいつですか？

そうですね。秋がいちばん好きです。

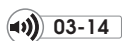
どうしてですか？

暑いのが苦手ですから。

それに、くだもの果物がおいしいですから。

そうですか。

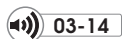
(1) 会話を聞きましょう。



03-14

Hãy nghe hội thoại.

(2) シャドーイングしましょう。



03-14

Hãy luyện nói đuổi.

(3) 自分の好きな季節について話しましょう。言いたいことばが日本語でわからないときは、調べましょう。

Hãy nói chuyện về mùa mà bạn thích. Tra cứu nếu bạn không biết từ mà mình muốn nói bằng tiếng Nhật.

ちょうかい
聴解スクリプト1. はる さくら はな さ
春は桜の花が咲きます

03-03

はる さくら はな さ あたた
春は桜の花が咲きます。暖かくなります。つ ゆ あめ ふ
梅雨は雨がたくさん降ります。じめじめしています。なつ あつ な がっこう やす
夏は暑いんです。セミが鳴きます。学校が休みになります。あき
秋はすずしくなります。もみじがきれいです。ふゆ さむ ゆき ふ
冬は寒いです。雪が降ります。2. きせつ
どんな季節がありますか？

① 03-05

A：ジョーイさんのくにには、どんな季節がありますか？

B：いちねんじゅうなつ あつ
一年中夏です。ずっと暑いんです。

A：そうですか。

② 03-06

A：タムさんのくにには、どんな季節がありますか？

B：う き かん き
雨季と乾季があります。

A：そうですか。

B：かん き あつ
乾季はとても暑いんです。

A：へー。

B：でも、う き すこ あめ ふ
でも、雨季は少しすずしくなります。雨がたくさん降ります。

③ 03-07

A：バヤルさんのくにには、どんな季節がありますか？

B：にほん おな し き
日本と同じです。四季があります。でも、なつ あつ ふゆ さむ
でも、夏はとても暑いんです。冬はとても寒いです。

A：そうですか。

B：なつ ど ふゆ ど
夏は40度、冬はマイナス40度になります。

A：へー、そうなんですか。

④  03-08

A：陳^{チン}さんの国^{くに}には、どんな季節^{きせつ}がありますか？

B：私^{わたし}の国^{くに}にも四季^{し き}があります。

でも、夏^{なつ}はとても短^{みじか}いです。

冬^{ふゆ}がとても長^{なが}いです。10月^{がつ}ごろから5月^{がつ}ごろまで冬^{ふゆ}です。

A：そうですか。

B：雪^{ゆき}がたくさん降^ふります。とても寒^{さむ}いです。

A：そうなんですか。

漢字のことば

1 読んで、意味を確認しましょう。

Hãy đọc và xác nhận nghĩa của các từ dưới đây.

き せつ 季節	季節	季節	はな 花	花	花
はる 春	春	春	おな 同じ	同じ	同じ
なつ 夏	夏	夏	あつ 暑い	暑い	暑い
あき 秋	秋	秋	さむ 寒い	寒い	寒い
ふゆ 冬	冬	冬			

2 _____の漢字に注意して読みましょう。

Hãy chú ý chữ Hán có gạch chân và đọc các câu văn sau.

- ① 秋は、くだものがおいしいです。
- ② 春は、いろいろなはなが咲きます。
- ③ 私は、暑いのが大好きですから、夏が好きです。
- ④ A：バチカさんのくにには、どんな季節がありますか？
B：日本と同じです。でも、冬がとても寒いです。

3 上の_____のことばを、キーボードやスマートフォンで入力しましょう。

Hãy nhập các từ có gạch chân trên đây bằng bàn phím hoặc bằng điện thoại thông minh.

ぶんぽう
文法ノート

1

Nに

ナ A- に なります

イ A- ぐ

はる さくら はな さ あたた
春は桜の花が咲きます。暖かくなります。
Mùa xuân, hoa anh đào nở và trời sẽ ấm lên.

- なります (なる) (trở nên / trở thành) dùng để biểu thị sự thay đổi. Trong bài này, cấu trúc trên được sử dụng để thể hiện sự thay đổi của thời tiết.
- Nếu là danh từ hoặc tính từ đuôi ナ thì sẽ sử dụng dưới dạng ～になります. Nếu là tính từ đuôi イ thì chuyển đuôi い thành ぐ và sử dụng dưới dạng ～ぐなります.
- ・「なります (なる)」は変化を示します。この課では、気候の変化を表すときに使っています。
- ・名詞とナ形容詞の場合は「～になります」の形を使います。イ形容詞の場合は、語尾の「い」を「ぐ」に変えて「～ぐなります」になります。

れい なつ がっこう やす
[例] ▶ 夏は学校が休みになります。
Vào mùa hè, các trường sẽ bước vào kì nghỉ.

はな さ こうえん
▶ 花が咲いて、公園がきれいになりました。
Hoa nở khiến công viên trở nên đẹp hơn.

▶ A: ちょっと、すずしくなりましたね。
Trời mát hơn một chút rồi đấy nhỉ.

B: そうですね。
Ừ, đúng vậy nhỉ.

2

いちばん

ナ A- です

イ A- いです

あき す
秋がいちばん好きです。
Tôi thích mùa thu nhất.

- Nghĩa gốc của いちばん là "đầu tiên". Khi đứng trước tính từ, nó sẽ thể hiện ý nghĩa "nhất".
- ・「いちばん」はもともと「順序が最初」という意味ですが、形容詞の前につくと「もっとも」という意味を表します。

れい す き せつ
[例] ▶ A: 好きな季節はいつですか?
Bạn thích mùa nào?

はる す
B: 春がいちばん好きです。
Tôi thích mùa xuân nhất.

にほん がつ あつ
▶ 日本では、8月がいちばん暑いです。
Ở Nhật, tháng 8 là thời điểm nóng nhất.

3

イA- い のが

す
好きです
に が て
苦手です

わたし あつ す さむ に が て
私は暑いのが好きです。寒いのが苦手です。
Tôi thích trời nóng. Tôi không thích trời lạnh.

- Trong bài 2, chúng ta đã học cấu trúc "thể từ điển của động từ + のが好きです như trong ví dụ ゲームをするのが好きです (Tôi thích chơi điện tử). Cũng có thể thêm の trong trường hợp tính từ đuôi い như trong ví dụ 暑い／寒い + のが好きです (Tôi thích trời nóng/lạnh). Trong bài này, cấu trúc trên được sử dụng để nói về đặc trưng thời tiết mà mình thích hoặc không thích.
- 苦手 là cách nói mang nghĩa phủ định "không thích", "không giỏi". Cách nói này không trực tiếp như 好きじゃない nên thường được sử dụng trong hội thoại.
- Trong câu phủ định như ～のは好きじゃないです／～のは好きじゃありません, có nhiều trường hợp が được đổi thành は.

- 第2課では、「ゲームをするのが好きです。」のように、「動詞の辞書形 + のが好きです」の形を勉強しました。イ形容詞の場合も「の」をつけて、「暑い／寒い + のが好きです」のように言います。ここでは、気候の好き嫌いを言うときに使っています。
- 「苦手」は得意じゃないという否定的な意味の表現で、「好きじゃない」よりも婉曲的な言い方になるため、会話でよく使われます。
- 否定文は「～のは好きじゃないです／～のは好きじゃありません」のように、「が」が「は」に変化することが多いです。

【例】 ▶ れい ▶ さむ す
寒いのはあまり好きじゃないです。
Tôi không thích trời lạnh cho lắm.

4

ナA- です

イA- い です

から

あき す けしき
秋が好きです。もみじの景色がきれいですから。
Tôi thích mùa thu vì có phong rất đẹp.

- から được thêm vào cuối câu để thể hiện lý do. Trong ví dụ trên, もみじの景色がきれいですから (vì có lá phong rất đẹp) biểu thị lý do người nói thích mùa thu.
- Bài này chỉ đưa ra ví dụ "tính từ です + から", tuy nhiên trước から có thể sử dụng cả câu động từ.
- 「から」は、文末について理由を表します。例文の「もみじの景色がきれいですから。」は、秋が好きな理由を示しています。
- この課では「形容詞です + から」の形を取り上げますが、「から」の前には動詞文も使われます。

【例】 ▶ れい ▶ す きせつ
A: 好きな季節はいつですか？
Bạn thích mùa nào?
B: 秋です。
Tôi thích mùa thu.
A: どうしてですか？
Vì sao?
B: 果物がおいしいですから。
Vì hoa quả rất ngon.

5

S1 から、S2

暑いのが大好きですから、夏が好きです。

Vì rất thích trời nóng nên tôi thích mùa hè.

- から với ý nghĩa thể hiện lý do không chỉ được dùng ở cuối câu mà còn có chức năng nối các câu với nhau. S1 biểu thị lý do của S2.
- Bài này đưa ra các cấu trúc kết hợp với câu danh từ, câu tính từ, câu động từ.
- 理由の「から」は文末に使われるだけではなく、文と文をつなぐ働きがあります。S1 が S2 の理由を示します。
- この課では、名詞文、形容詞文、動詞文に接続する形を取り上げます。

【例】 ▶ 果物がおいしいですから、秋が好きです。
Vì mùa thu có hoa quả ngon nên tôi thích mùa thu.

▶ 夏休みがありますから、夏がいちばん好きです。
Vì mùa hè được nghỉ hè nên tôi thích mùa hè nhất.

6

N1 や N2

海や山で遊ぶのも楽しいです。

Chơi trên núi hay ở biển đều vui.

- Trợ từ や đóng vai trò liên kết danh từ với danh từ như trợ từ と. Tuy nhiên, khác với と, や được dùng khi đưa ra ví dụ. Trong câu trên, ngoài biển và núi còn có thể là sông hay rừng, v.v. nhưng người nói không liệt kê hết mà chỉ đưa ra ví dụ tiêu biểu là biển và núi.
- Cũng có lúc thêm など sau N2 để nói N1やN2など.
- 助詞「や」は、「と」と同じで名詞と名詞をつなぎます。「と」との違いは、「や」は例を挙げるときに使われることです。この文では、海と山以外にも、川や森などで遊ぶことが考えられますが、全部を言わないで、代表例として海と山を挙げています。
- N2 のあとに「など」をつけて「N1 や N2 など」と言うこともあります。

【例】 ▶ 春は、桜やチューリップなどの花が咲きます。
Vào mùa xuân, các loài hoa anh đào, tulip, v.v. nở.

7

N1 とか (N2 とか)

あき くだもの 秋は果物がおいしいですね。ぶどうとか^{なし}梨とか。

Mùa thu có nhiều loại quả ngon nhĩ. Như là nho này, lê này.

- Cách nói này được sử dụng khi đưa ra ví dụ. Trong câu trên, người nói đã đưa ra ví dụ về các loại quả ngon của mùa thu.
- Khác với や ở cấu trúc ⑥, とか có thể dùng ngay cả khi chỉ đưa ra 1 ví dụ. Trong trường hợp này, chúng ta dùng dưới dạng N1とか.
- So với や thì とか là cách diễn đạt mang tính khẩu ngữ nên thường được dùng trong văn nói nhiều hơn.
- Bài này chỉ đưa ra ví dụ khi đi kèm với danh từ, tuy nhiên とか còn có thể đi kèm với tính từ, động từ, và các loại từ khác. とか có thể đứng ở giữa câu hoặc cuối câu.

- 例を挙げるときの言い方です。ここでは、秋のおいしい果物の例を挙げています。
- 「とか」は、⑥の「や」とは違い、例示するものが1つでもかまいません。このときは、「N1 とか」になります。
- 「や」に比べると口語的な表現で、話し言葉に多く使われます。
- ここでは、名詞につく例だけを扱いますが、「とか」は形容詞や動詞など、ほかの言葉のあとにも用いられます。また、文中にも文末にも使われます。

【例】 ▶ れい なつやす りょこう い ほっかいどう
夏休みに、どこか旅行に行きたいですね。北海道とか。
Tôi muốn đi du lịch nơi nào đó vào kì nghỉ hè. Hokkaido chẳng hạn.

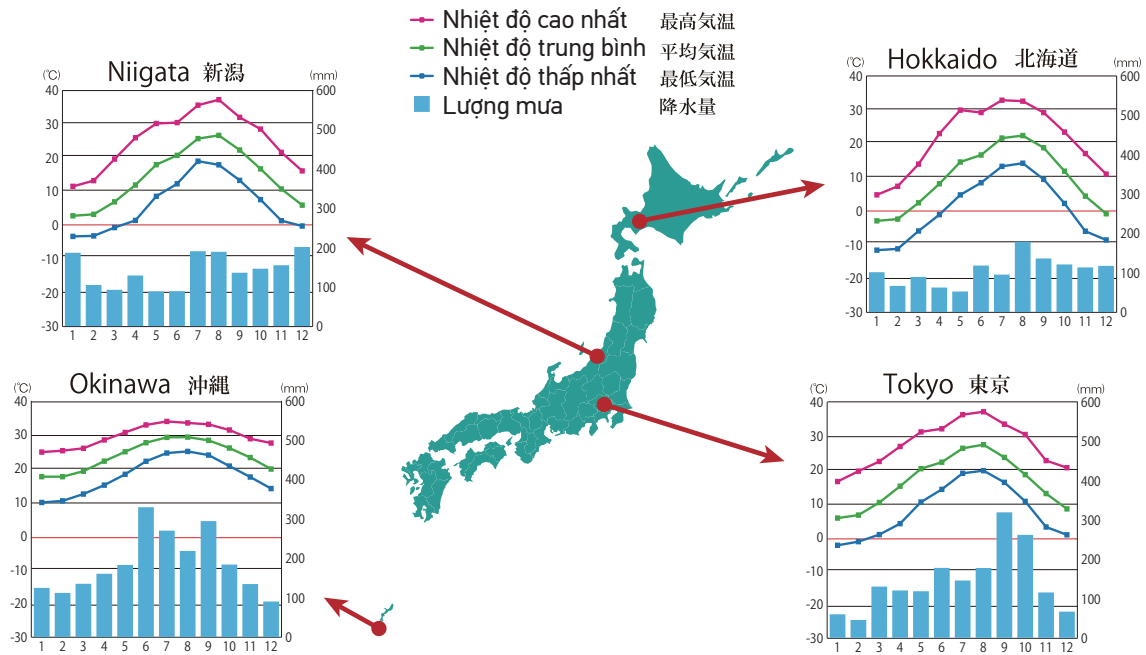
▶ A : どんなスポーツが^す好きですか？
Bạn thích môn thể thao nào?

B : スキーとか、スケートとか、ウィンタースポーツが^{だいす}大好きです。
Tôi rất thích các môn thể thao mùa đông như trượt tuyết, trượt ván, v.v..

日本の生活
TIPS● にほん きこう
日本の気候 Khí hậu Nhật Bản

日本は南北に細長い島国なので、地域によって気候が大きく異なります。

日本は南北に細長い島国なので、地域によって気候が大きく異なります。

とうきょう
東京 Tokyo

Tại Tokyo, từ khoảng cuối tháng 3 sẽ chuyển sang mùa xuân, trời sẽ ấm dần lên. Mùa hè từ tháng 7 đến tháng 8 rất oi, có những ngày nhiệt độ cao nhất đạt gần ngưỡng 40 độ. Từ khoảng tháng 10 trời sẽ trở lạnh, từ tháng 12 đến khoảng tháng 2 là mùa đông với gió lạnh và thời tiết khô ráo. Ở Tokyo rất ít khi có tuyết rơi, chỉ khoảng vài lần trong 1 năm.

東京では、3月の終わりごろから暖かくなってきて、春になります。7月から8月の夏はとても蒸し暑く、最高気温が40度近くになる日もあります。10月ごろからだんだん寒くなり、12月から2月ごろまで続く冬には、冷たい風が吹いて、乾燥した晴れの天気が続きます。東京では、雪が降ることはめったになく、1年で数回程度です。

ほっかいどう
北海道 Hokkaido

Hokkaido nằm ở cực Bắc của Nhật Bản, là nơi có mùa hè mát mẻ và mùa đông lạnh giá. Vào mùa hè, nhiệt độ rất ít khi vượt quá 30 độ. Vào mùa đông, có rất nhiều ngày nhiệt độ xuống mức âm, kể cả vào ban ngày. Có những lúc nhiệt độ thấp nhất xuống tới gần âm 20 độ. Tuyết rơi rất dày vào mùa đông.

日本のいちばん北にある北海道は、夏はすずしく冬は寒さが厳しい地域です。夏は30度を超える日は数日しかありませんが、冬の間は日中でも氷点下の日が多く、最低気温がマイナス20度近くになることもあります。冬は雪が深く積もります。

おきなわ
▶ 沖縄 Okinawa

Okinawa nằm ở phía Nam của Nhật Bản, với khí hậu cận nhiệt đới có nhiệt độ cao quanh năm. Bạn có thể bơi ở Okinawa từ khoảng tháng 4 đến cuối tháng 10. Ngay cả vào mùa đông, nhiệt độ thấp nhất cũng ít khi xuống dưới 10 độ. Mức chênh lệch nhiệt ở đây không quá cao nên khí hậu khá dễ chịu. Từ tháng 7 đến tháng 10 là mùa bão, mỗi năm có khoảng 10 cơn bão đổ bộ vào Okinawa.

日本の南にある沖縄は、1年を通して気温が高い亜熱帯気候で、4月ごろから10月ごろまで泳ぐことができます。冬でも最低気温が10度を下回るのはほとんどなく、気温の差が少なく過ごしやすい気候です。ただし、沖縄では7月から10月は台風のシーズンとなり、毎年10個程度の台風が接近します。

にほんかいがわ
▶ 日本海側 Vùng biển Nhật Bản

Thời tiết ở vùng biển Nhật Bản, nơi có các tỉnh như Niigata, Toyama, Ishikawa, v.v. khá khác biệt so với phía Thái Bình Dương nơi có Tokyo. Tại đây, mùa hè có nhiều ngày nắng nóng, mùa đông có nhiều ngày thời tiết xấu, có mưa hoặc tuyết rơi. Có những nơi tuyết rơi dày tới vài mét.

新潟、富山、石川などの日本海側は、東京などの太平洋側の気候とは異なります。夏は晴れて非常に暑い日が多いのに対し、冬は天気が悪い日が多く、雨や雪が降るのが特徴です。多いところでは、雪が数メートルも積もります。

つゆ
● 梅雨 Tsuyu (mùa mưa)

Mùa mưa kéo dài từ cuối tháng 5 đến khoảng giữa tháng 7. Bước vào mùa mưa, không chỉ nhiệt độ mà độ ẩm cũng tăng lên khiến cho đồ ăn nhanh hỏng hơn nên cần phải chú ý nguy cơ ngộ độc thực phẩm. Ngoài ra, nấm mốc cũng dễ sinh sôi trong bếp hay bồn tắm hơn và đồ giặt cũng lâu khô hơn, do đó việc dọn dẹp và giặt giũ cũng trở nên vất vả. Sau khi mùa mưa kết thúc thì mùa hè chính thức bắt đầu.

梅雨は、5月の終わりから7月中旬ごろまで続く、雨の多い季節です。梅雨になると、気温だけでなく湿度も上がって食べ物が腐りやすくなるため、食中毒に注意しなければなりません。また、台所や風呂にカビが出やすくなったり、洗濯物がなかなか乾かなくなったりするので、掃除や洗濯が大変になります。梅雨が明けると、本格的な夏が始まります。

さくら はなみ
● 桜と花見 Hoa anh đào và hanami

Hoa anh đào màu hồng nhạt sẽ nở đồng loạt từ khoảng cuối tháng 3 đến tháng 4. Đó chính là dấu hiệu báo mùa xuân đến. Ngoài ra, hoa anh đào nở trùng với thời điểm năm học mới nên hoa anh đào cũng thường gắn liền với hình ảnh tốt nghiệp hay nhập học, v.v..

Trước mùa hoa nở, bản tin thời tiết thường đưa ra các dự báo về thời điểm hoa nở, thời điểm hoa nở đẹp nhất, thời điểm hoa tàn.

Trên khắp Nhật Bản đều có những điểm nổi tiếng với hoa anh đào. Việc mọi



người vừa ngắm hoa vừa ăn cơm hộp và uống rượu dưới gốc cây anh đào là *hanami* (ngắm hoa). Ở những công viên nổi tiếng với hoa anh đào, chúng ta sẽ bắt gặp hình ảnh mọi người trải thảm dưới gốc cây và ngắm hoa. Để lấy được chỗ đẹp ngắm hoa, nhiều người phải đến từ sáng sớm, việc này được gọi là *bashotori*.





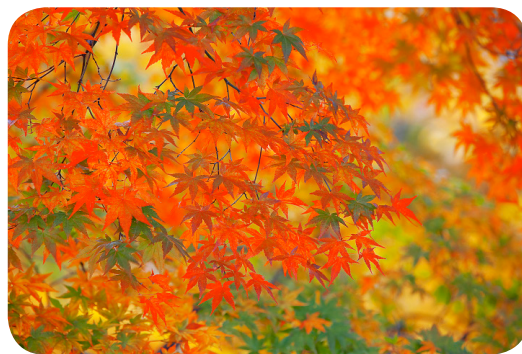
桜は3月下旬から4月にかけて、いっせいに薄いピンクの花を咲かせ、春が来たことの象徴になっています。また、桜の咲く時期は年度の変り目なので、卒業や入学のイメージと結び付けられることもあります。

桜が咲くシーズンの前には、天気予報では、桜がいつ咲き、いつ満開になり、いつ散るかを予想する「開花予想」が報じられます。

日本の各地には、桜で有名なスポットがあります。桜の木の下で、花を見ながら、お弁当を食べたり、お酒を飲んだりするのが「花見」です。桜で有名な公園では、毎年、桜の木の下にレジャーシートを敷いて、花見をする光景が見られます。花見では、いい場所をとるために、朝早くから「場所取り」をすることもあります。

こうよう 紅葉 Lá đổi màu

Sang thu, màu của lá cây sẽ chuyển từ xanh sang đỏ, cam, vàng. Hiện tượng này được gọi là *kooyoo* (lá đổi màu). Nhiều người sẽ đi tới các vùng núi, thung lũng, các khu vườn, v.v. để ngắm lá đổi màu vào mùa này. Mùa lá đổi màu thường rơi vào tháng 10 đến tháng 11, tuy nhiên sẽ khác nhau tùy theo khu vực và độ cao so với mực nước biển. Các bạn có thể tìm hiểu trên mạng tình hình lá đổi màu ở các vùng trên khắp Nhật Bản như thời điểm lá đổi màu, thời điểm đẹp nhất để ngắm, thời điểm lá rụng, v.v.. Tuy nhiên, khác với *hanami*, người Nhật không có thói quen ăn uống ở dưới gốc cây khi ngắm lá đỏ.



秋になると、木の葉の色が緑から赤やオレンジ、黄色に変わります。これを「紅葉」といいます。紅葉の季節になると、人々は美しい紅葉を見るために、山や渓谷、庭園などに行きます。紅葉の季節は、だいたい10月から11月ぐらいで、地方や標高によって違います。紅葉のシーズンには、全国各地の紅葉スポットの紅葉がどのような状態か（色づきははじめ～見ごろ～散りざわ、など）をネットで調べることができます。ただし、紅葉は桜とは違い、紅葉した木の下でお弁当を食べたりお酒を飲んだりする習慣はありません。

セミ Con ve

Ve là loài côn trùng phát ra tiếng kêu lớn từ trên cây cao. Ở Nhật Bản, ve kêu khi mùa hè đến. Ve kêu ở khắp mọi nơi, không chỉ ở rừng hay công viên mà cả ở những khu dân cư nữa. Có thể nói đây là âm thanh đặc trưng của mùa hè Nhật Bản. Tiếng kêu của các loài ve cũng khác nhau, có những loài ve được đặt tên theo chính tiếng kêu của mình như *min-min zemi*, *tsuku-tsuku-booshi* hay *kana-kana*. Âm thanh mà nhiều chú ve cùng phát ra đồng thanh được gọi là *semi-shigure*. *Semi-shigure* được sử dụng nhiều trong phim ảnh và anime như một hiệu ứng âm thanh để gợi hình ảnh mùa hè, nên cũng có những người nước ngoài đến Nhật vào mùa hè khi được nghe tiếng ve kêu ngoài đời thật đã nghĩ rằng, "Ồ! Đây chính là âm thanh trên phim và anime!"

セミは木の上など高いところで大きな声で鳴く昆虫です。日本では夏になると、あちこちでセミが鳴きます。森や公園だけでなく、住宅地でもジージーと鳴くセミの鳴き声は、日本の夏を代表する音と言えるでしょう。鳴き声も種類によって違い、「ミンミンゼミ」「ツクツクボウシ」「カナカナ」など、鳴き声がそのまま呼び名になったセミの種類もあります。多くのセミが一斉に鳴く音は、「せみしぐれ」とも呼ばれています。「せみしぐれ」はドラマやアニメで夏を表す効果音としてもよく使われるので、夏に海外から日本に来た人は、セミの鳴き声を実際に聞いて、「ドラマやアニメで聞いた音！」と思う人もいるそうです。

